



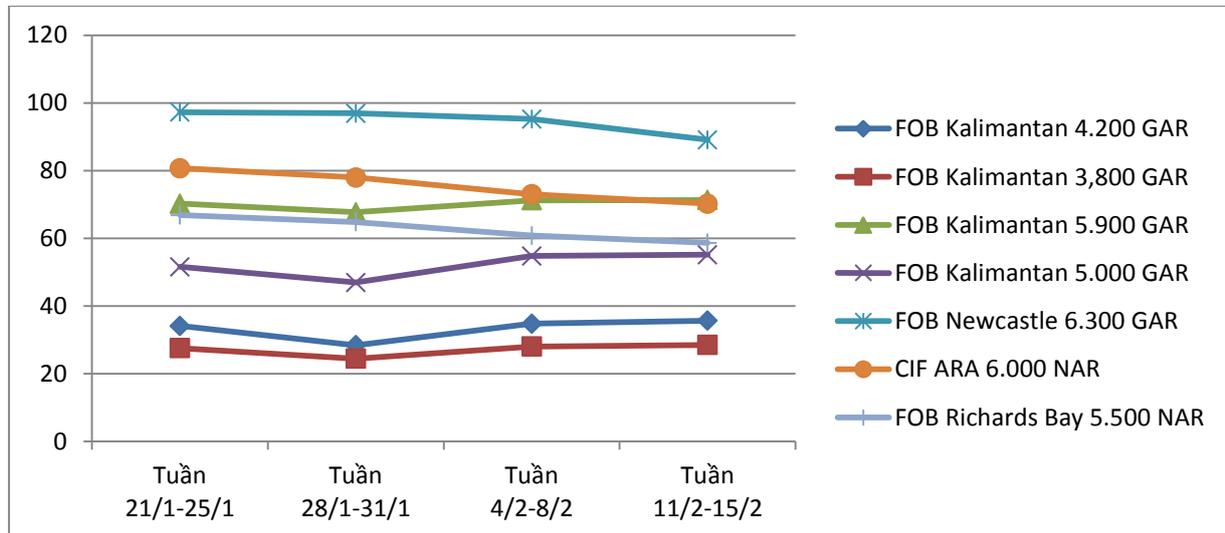
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
BẢN TIN THAN TUẦN 2 - THÁNG 2
 (Từ 11/2 – 15/2)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 21/1-25/1	Tuần 28/1-31/1	Tuần 4/2-8/2	Tuần 11/2-15/2
FOB Kalimantan 4,200 GAR	34,08	28,36	34,75	35,65
FOB Kalimantan 3,800 GAR	27,53	24,4	28	28,49
FOB Kalimantan 5,900 GAR	70,23	67,65	71,20	71,32
FOB Kalimantan 5,000 GAR	51,53	46,90	54,75	55,13
FOB Newcastle 6,300 GAR	97,22	96,91	95,23	89,08
CIF ARA 6,000 NAR	80,7	77,96	73,96	70,23
FOB Richards Bay 5,500 NAR	66,81	64,77	64,77	58,59
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	99,30	99,66	99,66	90,71



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 2 tháng 2 (2019)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 2 tháng 2	11/2	12/2	13/2	14/2	15/2
Tàu Capesize (150,000 tấn)						
1	Úc – Trung Quốc	6,00	6,15	6,25	6,60	6,70
2	Queensland – Nhật Bản	6,60	6,75	6,85	7,20	7,30
3	New South Wales – Hàn Quốc	7,45	7,60	7,70	8,05	8,15
Tàu Panamax (70,000 tấn)						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	9,95	9,95	10,10	10,10	10,50
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	7,20	7,30	7,50	7,50	7,70
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	10,00	10,00	10,15	10,15	10,55
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	6,00	6,00	6,20	6,20	6,40
5	Úc - Trung Quốc	9,85	9,85	10,00	10,00	10,20
6	Úc - Ấn Độ	11,00	11,00	11,15	11,15	11,40

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Lượng than nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 1 tăng 175% so với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu giảm 98%

Trong tháng 1, Việt Nam đã nhập khẩu 3,12 triệu tấn than, chủ yếu là than nhiệt và than cốc, tăng 175% so với cùng kỳ năm 2018, theo dữ liệu từ Hải quan Việt Nam đưa ra trong thứ 2 (18/2). Tổng giá trị nhập khẩu than trong tháng 1 đạt 340,3 triệu USD, tăng 150,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Indonesia là nước cung cấp than lớn nhất trong tháng với 1,26 triệu tấn, tăng 122,6%, theo sau đó là Indonesia, Nga và Trung Quốc. Năm ngoái, Việt Nam đã nhập khẩu 22,86 triệu tấn than, cao hơn 55,7% so với năm ngoái, chủ yếu từ Indonesia, Australia, và Nga. Khối lượng than nhập khẩu trong năm 2018 có trị giá 2,55 tỷ USD, tăng 66,5% so với năm 2017.

Trong khi đó, Việt Nam đã xuất khẩu 3.398 tấn than, chủ yếu là than anthracite, trong tháng 1, giảm 98% so với năm ngoái, phần lớn tới Nhật Bản (3.345 tấn, giảm 96,1% so với năm ngoái). Trị giá xuất khẩu trong tháng đạt 651.735 USD, giảm 97,1% so với năm ngoái và giảm 98,3% so với tháng 12/2018. Trong năm 2018, Việt Nam đã xuất khẩu gần 2,4 triệu tấn than, tăng 7,5% so với năm 2017, chủ yếu tới Nhật Bản và Hàn Quốc. Giá trị xuất khẩu trong năm ngoái đạt 322,4 triệu USD, tăng 12,3% so với năm 2017.

Tập đoàn than lớn nhất Việt Nam, Vinacomin cho biết sẽ tăng tối đa công suất và khối lượng than nhập khẩu trong năm nay nhằm đáp ứng nhu cầu từ khách hàng trong nước, chủ yếu phục vụ cho phát điện. Lượng than khai thác chủ yếu được sử dụng cho lĩnh vực phát điện, sản xuất xi măng và những ngành công nghiệp khác trong nước.

Khối lượng than nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 1 theo nước

	1/2019	1/2018	Thay đổi theo năm	Quý III	Thay đổi theo tháng
Indonesia	1.262.053	567.037	122,57	973.558	29,63%
Australia	1.208.528	320.599	276,96	1.105.474	9,32%
Nga	418.738	15	170,98	452.164	-7,39%
Trung Quốc	120.067	57.956	107,17	94.745	26,73%
Nhật Bản	5.292	37	14202,70	8.800	-39,86%

Malaysia	190	27.603	-99,31%	192	-1,04%
Tổng	3.117.418	1.131.740	175,45%	2.843.322	9,68%

Xuất khẩu than của Việt Nam tới các nước trong tháng 1

	1/2019	1/2018	Thay đổi theo năm	Quý III	Thay đổi theo tháng
Nhật Bản	3.345	86.619	-96,14%	50.030	-93,31%
Tổng	3.398	172.233	-98,03%	198.644	-98,29%

(Nguồn: www.spglobal.com)

Khách hàng mua than nhiệt Thổ Nhĩ Kỳ tìm kiếm cơ hội ở thị trường nội địa

Các khách hàng mua than nhiệt ở Thổ Nhĩ Kỳ đang thể hiện sự ưu tiên với nguồn cung trong nước. Một công ty thương mại than Châu Âu cho biết: “Khách hàng đang tìm hiểu thị trường than nhập khẩu, nhưng vẫn ưa chuộng than trong nước hoặc petcoke hơn”. Sự biến động tỷ giá của đồng lira trong những tháng gần đây dẫn đến việc hầu hết khách hàng có nhu cầu mua than đều tìm kiếm nguồn trong nước hoặc mua petcoke thay thế. Tỷ giá đồng lira so với đô la Mỹ ở mức 0,19 sáng ngày 15/2, trước đó vào tháng 8/2018 tỷ giá đã xuống còn 0,144. Tuy nhiên các nhà máy xi măng cho biết giá than 6.000 kcal/kg NAR, điều kiện CIF ARA giảm xuống gần đây có thể khuyến khích khách hàng quay trở lại thị trường.

Ngoài các hợp đồng mua than có thời hạn, khối lượng trong các giao dịch mua than Colombia giao lẻ tại các thị trường trọng điểm ở Đại Tây Dương như Thổ Nhĩ Kỳ đã giảm xuống, với kỳ vọng giá than điều kiện CIF ARA sẽ giảm xuống cho các tàu capesize từ Colombia đến Thổ Nhĩ Kỳ. Giá than Nga 6.000 kcal/kg NAR, điều kiện FOB Biển Đen cho các tàu cỡ nhỏ hơn ở trong khoảng 76 - 77 USD/tấn ngày 15/2. S&P Global Platts đã đánh giá giá than 6.000 kcal/kg NAR 90 ngày, điều kiện CIF Thổ Nhĩ Kỳ ở mức 85 USD/tấn, giảm 1 USD so với tuần trước đó.

ITOCHU bán cổ phần tại mỏ than Australia

ITOCHU, Nhật Bản đã thông báo việc bán cổ phần tại mỏ Rollenstone, Australia, công ty thành viên ITOCHU Mineral & Energy Australia là bên sở hữu cổ phần của mỏ này. Thông cáo của ITOCHU cho thấy: “Đây là lần thứ hai ITOCHU thực hiện bán cổ phần tại một trong bốn mỏ than nhiệt của mình trong những năm gần đây, trước đó là thương vụ bán cổ phần tại NCA (Newlands Collinsville Abbot Point) trong tháng 9 năm 2016”. Việc bán mỏ là một phần của công ty trong nỗ lực giảm thiểu phát thải khí gas và góp phần làm giảm lượng khí carbon trong không khí. ITOCHU cho biết: “Mặc dù vẫn sở hữu các mỏ than nhiệt, chúng tôi sẽ tiếp tục kiểm soát các mỏ này và đóng góp cho sự phát triển vững bền của xã hội trong khi vẫn đáp ứng nhu cầu cung cấp điện năng cho thị trường nội địa và khách hàng nước ngoài”. Tập đoàn này cũng cho biết sẽ không phát triển thêm dự án NMNĐ mới hoặc mua thêm cổ phần của các mỏ than nhiệt khác.

Đến hiện tại, cổ phần của ITOCHU tại mỏ Queensland ở mức 12,5%, Glencore và Sumitomo sở hữu phần còn lại. Công ty Rolleston sản xuất than nhiệt độ tro thấp cho nội địa và thị trường xuất khẩu từ các mỏ lộ thiên, với sản lượng hàng năm 13 triệu tấn. Than sản xuất ra được xuất khẩu qua cảng Wiggins Island Export và cảng Gladstone.

(Nguồn: S&P Global Platts)